UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 992 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 17 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 ngày 6 tháng 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 ngày 8 tháng 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 ngày 10 tháng 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1729/TTr-STNMT ngày 16/5/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 02 thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm: thủ tục Cấp lại giấy phép tài nguyên nước, thủ tục Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với thủ tục hành chính đăng ký khai thác nước dưới đất được ban hành kèm theo Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 08 thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, gồm: thủ tục Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ngày đêm, thủ tục Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ, thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất[(1)]	- Đối với đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai hợp lệ. - Đối với đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất (Trường hợp quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP): 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;
2	Trả lại giấy phép [(2)]	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	
3	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm phục vụ hành	Kinh phí tổ chức	

[(1)] Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT: Phần danh mục TTHC công bố là 01 thủ tục, phần nội dung cụ thể của từng TTHC công bố thành 02 thủ tục (01. Thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp, 02. Thủ tục Đăng ký khai thác nước dưới đất); Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC công khai thành 02 thủ tục: Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh) mã số: 1.011516 và Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh) mã số 1.011517.

[(2)] Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT tên TTHC phần nội dung cụ thể của từng TTHC công bố là "Trả lại giấy phép tài nguyên nước do tỉnh cấp".

	với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng sông chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)[(3)]	được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư. - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: + Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến. + Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án; tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi cho chủ đầu tư.	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	

[(3)]Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT tên TTHC phần nội dung cụ thể của từng TTHC công bố là "Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến"); Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC công khai tên "Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông suối thuộc trường hợp phải xin phép (TTHC cấp tỉnh)" mã số: 1.001740.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày

	3.000 m3 /ngày đêm	Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	và HTDN tỉnh	10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	01/02/2023.
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

	3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m3/ngày đêm				
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3 /giây trở lên và dung	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

	tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m3/ngày đêm				
7	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.
Theo Quyết định số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
8	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014;

		- Quyết định cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép: 02 ngày làm việc ra thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép.	và HTDN tỉnh	10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022.
9	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Quyết định cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép: 02 ngày làm việc ra thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022.
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Quyết định cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép: 02 ngày làm việc ra thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy đinh tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh[(4)]	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư. - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất	- Thời hạn tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc UBND cấp xã: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai. - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã/ Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

[(4)]Theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT tên TTHC phần nội dung cụ thể của từng TTHC công bố là "Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến"); Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC công khai tên "Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh (TTHC cấp tỉnh)" mã số: 1.001645.